

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2018

“V/v yêu cầu không công
nhận quan hệ vợ chồng và
tranh chấp nuôi con chung”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Nghịch

2. Ông Ngô Văn Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 27/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 332/2017/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2017 về “*Kiến yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị L, sinh năm: 1967 (Có mặt).

2/ *Bị đơn:* Ông Phan Xuân H, sinh năm: 1960 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị L và ông Phan Xuân H đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1989 và chung sống tại xã E, huyện K, tỉnh Đ nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống: Những năm đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mỗi lần xảy ra cãi nhau thì ông H đánh bà L. Do không chịu đựng được nên năm 2016, bà L đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, nhưng vì các con nên bà L suy nghĩ lại và về chung sống. Nhưng từ đó đến nay, ông H vẫn không thay đổi nên bà L đã đi thuê nhà trọ ở và sống ly thân với ông H đến nay. Nhận thấy, cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà Hà Thị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên không công nhận bà Hà Thị L và ông Phan Xuân H là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 03 con chung là: Cháu Phan Xuân A, sinh năm 1989, cháu Phan Thị Thanh Đ, sinh năm 1992, cháu Phan Thị Hà T, sinh ngày 13/8/2004. Hiện nay các cháu Phan Xuân A, Phan Thị Thanh Đ đã đủ 18 tuổi, các cháu có gia đình riêng nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phan Thị Hà T hiện nay đang sinh sống cùng bà L, bà L có nguyện vọng nhận nuôi cháu Phan Thị Hà T đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hà Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hà Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Xuân H trình bày: Ông Phan Xuân H thừa nhận lời trình bày của bà Hà Thị L về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn đúng thực tế. Theo ông H thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn là do sau khi bà L bị bệnh cao huyết áp, thay đổi tính tình nên thường hay cãi nhau.

Về con chung: Hiện nay các cháu Phan Xuân A, Phan Thị Thanh Đ đã đủ 18 tuổi, các cháu có gia đình riêng. Đối với cháu Phan Thị Hà T hiện nay đang sinh sống cùng bà L, ông Phan Xuân H tôn trọng nguyện vọng của cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phan Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 12 năm 2017, cháu Phan Thị Hà T trình bày: Cháu là con của bố Phan Xuân H và mẹ Hà Thị L. Trong quá trình chung sống, bố mẹ cháu thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân do bố mẹ cháu sống không hòa hợp. Mẹ L sống ly thân với bố H từ đầu năm 2017 cho đến nay. Trường hợp bố H và mẹ L không sống chung với nhau nữa, nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, công khai chứng cứ, Hòa giải về nợ chung, tài sản chung và con chung. Về quan hệ hôn nhân do bà Hà Thị L và ông Phan Xuân H không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp Luật.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ông Phan Xuân H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà và tiếp tục tổng đạt Quyết định hoãn phiên toà cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Phan Xuân H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Xuân H.

Tại phiên toà hôm nay bà Hà Thị L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên không công nhận bà Hà Thị L và ông Phan Xuân H là vợ chồng.

Về con chung: Hiện nay các cháu Phan Xuân A, Phan Thị Thanh Đ đã đủ 18 tuổi, các cháu có gia đình riêng nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phan Thị Hà T hiện nay đang sinh sống cùng bà L, bà L có nguyện vọng nhận nuôi cháu Phan Thị Hà T đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung và tài sản chung bà Hà Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Hà Thị L khởi kiện Tòa án giải quyết tuyên không công nhận bà Hà Thị L và ông Phan Xuân H là vợ chồng. Ông Phan Xuân H có hộ khẩu thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đ. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2017 của bà Hà Thị L, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Kiện yêu cầu tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bà Hà Thị L và ông Phan Xuân H chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Tuy nhiên, trước khi về chung sống với nhau cũng như trong quá trình sống chung bà L và ông H không đến Ủy ban nhân dân xã nơi ông, bà cư trú để đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân của bà L, ông H không được pháp luật công nhận. Nay bà Hà Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên không công nhận bà Hà Thị L và ông Phan Xuân H là vợ chồng. Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm

b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Hà Thị L và ông Phan Xuân H là vợ chồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 03 con chung: Cháu Phan Xuân A, sinh năm 1989, cháu Phan Thị Thanh Đ, sinh năm 1992, cháu Phan Thị Hà T, sinh ngày 13/8/2004.

Hiện nay các cháu Phan Xuân A, Phan Thị Thanh Đ đã đủ 18 tuổi, các cháu có gia đình riêng. Bà Hà Thị L và ông Phan Xuân H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với cháu Phan Thị Hà T, hiện nay đang sinh sống cùng Hà Thị L và nguyện vọng của cháu T được sống cùng mẹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Phan Thị Hà T cho bà Hà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động để tự nuôi sống mình. Ông Phan Xuân H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được ngăn cản thực hiện quyền này.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc nguyên đơn phải chi án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; Điều 147; Điều 203, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị L. Không công nhận bà Hà Thị L và ông Phan Xuân H là vợ chồng.

2. Về con chung: Hiện nay các cháu Phan Xuân A, Phan Thị Thanh Đ đã đủ 18 tuổi, các cháu có gia đình riêng nên không đề cập giải quyết.

Giao cháu Phan Thị Hà T cho bà Hà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động để tự nuôi sống mình. Ông Phan Xuân H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được ngăn cản thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hà Thị L không yêu cầu ông Phan Xuân H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hà Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0001494 ngày 28 tháng 11 năm 2017.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phan Xuân H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã E, huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TOÀ**

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN****TÒA****Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã Ea Kuăng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Phi Long

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã Tân Tiến;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Phi Long